

Bản án số: **116/2021/DSPT**

Ngày: 17/6/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Tuyết Mai**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Hải**

Bà **Võ Bích Hải**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Bà **Huỳnh Hồng Phil** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 03 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N. K. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2021/QĐPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** 1. Ông **Lê Thanh P.**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp Phú T., xã Song P., huyện T. B., tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông **Lê Minh H.**, sinh năm 1973

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Thanh P.**, sinh năm 1974. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú T., xã Song P., huyện T. B., tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** 1. Ông **Nguyễn Đình H.**, sinh năm 1957. (Có mặt)

2. Bà **Lê Thị Mỹ C.**, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 93, Nguyễn V. C., phường A. H., quận N. K., thành phố Cần Thơ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn – Ông Lê Thanh P. trình bày*

Năm 2007, mẹ ruột của nguyên đơn và bị đơn là bà Lê Thị Ch. chết nên các anh em thống nhất bán nhà và đất ở số 21, đường Nguyễn V. C., phường A. H. , quận N. K. , thành phố Cần Thơ. Ông được nhận số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), các anh em khác khoảng từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng. Tiền chia nhà cha mẹ của ông Lê Minh H. 400.000.000 đồng do ông giữ. Sau đó, chị ruột ông là bà Lê Thị Mỹ C. mới rũ ông với ông Lê Minh H. hùn vốn mua nhà và đất tại số 66/19, đường C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ với giá 1.000.000.000 đồng (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số: 20/2000, do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp cho bà Cao Thị Trúc M. ngày 09/5/2000). Ông với ông H. hùn 500.000.000 đồng, tỷ lệ 50%, còn thực tế giá bao nhiêu thì tôi không biết. Tại thời điểm này ông H. đang chấp hành án tại trại giam Mộc Hóa nên ông có vào thăm hỏi ý kiến thì ông H. đồng ý. Sau đó, ông đã giao toàn bộ việc ký kết hợp đồng, đăng ký sang tên và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C. và ông H.. Ngày 03/4/2008, ông với bà Lê Thị Mỹ C. , ông Nguyễn Đình H. có ký hợp đồng góp vốn mua nhà, dưới sự chứng kiến của ông Lê H. N. (Anh hai trong gia đình).

Năm 2012, ông về sinh sống tại nhà số 66/19, đường C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ và năm 2014 thì nhập hộ khẩu. Khoảng năm 2018, ông được tin Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ phát mãi nhà số 66/19, đường C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ để trả nợ cá nhân của bà C., ông H..

Nay, ông và ông Lê Minh H. khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Đình H., bà Lê Thị Mỹ C. trả 1/2 giá trị nhà và đất tọa lạc tại số: 66/19, đường C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ theo Hợp đồng góp vốn ngày 03/4/2008.

*\* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, bị đơn – Ông Nguyễn Đình H. trình bày:*

Thống nhất với trình bày của ông Lê Thanh P., nhà và đất tại số 66/19, đường C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ do ông Lê Thanh P., ông Lê Minh H. hùn 500 triệu đồng, trong tổng số tiền mua 1.000.000.000 đồng (tỷ lệ hùn 50%). Nhà và đất này ông và bà Lê Thị Mỹ C. đứng tên, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số: 20/2000, do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp cho bà Cao Thị Trúc M. ngày 09/5/2000, chỉnh lý sang tên

ông bà vào ngày 14/4/2008. Tại Bản án phúc thẩm số: 16/2014/DSPT ngày 24/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ buộc vợ chồng ông có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Đức Th., bà Nguyễn Thị C. với tổng số tiền 986.370.000 đồng. Do gia đình ông không có tiền trả nợ theo bản án của Tòa án nên Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ phát mãi nhà số 66/19, đường C.M.T.T., phường C. K., quận N. K., thành phố Cần Thơ để thi hành án.

Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không đồng ý, ông đồng ý chỉ giao ½ căn nhà số 66/19, đường C.M.T.T., phường C. K., quận N. K., thành phố Cần Thơ cho nguyên đơn. Việc ông P., ông H. khởi kiện, khiếu nại đòi lại ½ căn nhà số 66/19 là quyền của nguyên đơn vì ông đã bàn giao nhà rồi.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân quận N. K. đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N. K. đã tuyên như sau:

Buộc ông Nguyễn Đình H., bà Lê Thị Mỹ C. có nghĩa vụ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Thanh P. số tiền 1.046.500.000 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) và ông Lê Minh H. số tiền 1.046.500.000 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 09 tháng 02 năm 2021 bị đơn ông Nguyễn Đình H. và bà Lê Thị Mỹ C. kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

*\* Nguyên đơn ông Lê Thanh P. vắng mặt tại phiên tòa*

*\* Ông Nguyễn Đình H. trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo và yêu cầu Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ sau khi phát mãi bán tài sản là căn nhà và đất tọa lạc tại 66/19, C.M.T.T., phường C. K., quận N. K., thành phố Cần Thơ tiền còn lại phải trả cho bị đơn.*

*\*Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung Qua xem xét lời trình bày của bị đơn, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, bị đơn kháng cáo như yêu cầu định giá thêm tài sản (nhà) trên đất tuy nhiên trên đất hiện nay không có tài sản, hiện trạng căn nhà không còn nên không có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, tuy nhiên phía bị đơn ông H., bà C. có đơn xin miễn giảm án phí, xét thấy ông H. là người cao tuổi và bà C. có đơn xin giảm có xác nhận của địa phương nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí theo hướng phân tích trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; của luật sư và những người tham gia tố tụng khác.*

[1] Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 1/2 giá trị nhà và đất tọa lạc tại số: 66/19, đường C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ theo Hợp đồng góp vốn ngày 03/4/2008. Do đó, cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án với quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” là phù hợp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn kháng cáo yêu cầu giải quyết 2 vấn đề sau:

Thứ nhất, yêu cầu cho định giá thêm phần tài sản gắn liền với đất (nhà) tọa lạc tại số 66/19, C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ, đồng thời bị đơn cho rằng do nguyên đơn vẫn đang sử dụng ½ căn nhà tọa lạc tại số 66/19, C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ, bị đơn đã phân chia ½ căn nhà cho nguyên đơn rồi.

Thứ hai, căn nhà và đất tọa lạc tại 66/19, C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ đã được Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ phát mãi tài sản trên, yêu cầu sau khi phát mãi thi hành án xong số tiền còn lại phải trả cho bị đơn.

HĐXX thấy rằng: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất cho rằng nguồn gốc căn nhà và đất tọa lạc tại 66/19, C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ là tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn cùng hùn vốn với tỷ lệ hùn mỗi bên là 50% để mua căn nhà trên vào ngày 03/4/2008, các bên có thỏa thuận để phía bị đơn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất và các bên cũng thống nhất tại phiên tòa sơ thẩm tổng giá trị tài sản này hiện nay là 4.186.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Do phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Đức Th. và bà Nguyễn Thị C. theo bản án phúc thẩm số 16/2014/DSPT ngày 24/02/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Cần

Thơ nên Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã phát mãi căn nhà trên để thi hành án. Như vậy, tài sản hùn vốn đã bị phát mãi để thi hành án đối với bản án của Tòa án, bị đơn yêu cầu định giá thêm phần nhà trên đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở hiện do bị đơn đang giữ bản gốc, bị đơn trình bày trên đất hiện nay không có tài sản, hiện trạng căn nhà không còn nên không có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Mặt khác phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả trị giá theo Chứng thư thẩm định giá số: 1532/20/CT.SACC-CT ngày 14/12/2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn & Thẩm định giá Đ. N. , không yêu cầu trả thêm giá trị tài sản trên đất nên yêu cầu của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu Tòa án xem xét buộc Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ sau khi phát mãi là căn nhà và đất tọa lạc tại 66/19, C.M.T.T., phường C. K., quận N. K. , thành phố Cần Thơ để thi hành án, số tiền còn lại phải trả cho bị đơn, xét yêu cầu này không thuộc đối tượng phải xem xét trong vụ án nên HĐXX không xem xét

Từ những phân tích trên, bị đơn phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền tương ứng với giá trị phần vốn góp như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ, không có căn cứ để chấp nhận kháng của bị đơn.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, do bị đơn ông H. bà C. có đơn xin miễn giảm án phí, xét thấy ông H. là người cao tuổi và bà C. có đơn xin giảm án phí có xác nhận của địa phương nên HĐXX xem xét giảm 50% án phí cho bị đơn Châu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 302; khoản 2 Điều 303 của Bộ luật Dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Đình H., bà Lê Thị Mỹ C. có nghĩa vụ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Thanh P. số tiền 1.046.500.000 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn*

*mười sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) và ông Lê Minh H. số tiền 1.046.500.000 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về chi phí định giá tài sản:**

Bị đơn phải chịu 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên ông Nguyễn Đình H., bà Lê Thị Mỹ C. phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho ông Lê Thanh P. và ông Lê Minh H. .

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Nguyên đơn ông Lê Thanh P. và ông Lê Minh H. , mỗi người được nhận lại 20.010.000 đồng (*Hai mươi triệu, không trăm mười nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 001801, 001802 cùng ngày 19/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N. K. , thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn H. được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị Mỹ C. phải nộp 36.930.000 đồng nhưng bà C. có đơn xin giảm án phí nên xét giảm 50% bà C. phải nộp 18.465.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn. Bị đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003695 ngày 09/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N. K.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND.TP.Cần Thơ;
- TAND Q.N. K. ;
- THADS Q.N. K. ;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thị Tuyết Mai**